

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/12/2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quách Thị Tình

Bà Trương Thị Hồng Xuân

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H; Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình H; Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 và bản tự khai ngày 05/10/2020 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/03/2002 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ không thể tiếp tục sống chung được nữa. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không được. Nay chị xét

thấy giữa hai vợ chồng tình cảm đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/11/2002 và Nguyễn Đình Phước H sinh ngày 17/07/2011. Hiện cháu H đã thành niên, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu H, sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/10/2020 và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đình H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/03/2002 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận bình thường không có gì là mâu thuẫn. Thỉnh thoảng chị H có đi làm xa nhà, anh H có động viên cho chị Hằng về làm gần nhà nhưng chị H không về và làm đơn xin ly hôn anh, anh đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Anh H xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chưa có mâu thuẫn gì sâu sắc nên anh không muốn ly hôn với chị H mà đề nghị được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/11/2002 và Nguyễn Đình Phước H sinh ngày 17/07/2011. Hiện cháu H đã thành niên, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu H, nếu chị H nhất quyết yêu cầu ly hôn, anh tôn trọng quyết định của cháu về việc cháu sẽ ở với ai. Vấn đề cấp dưỡng anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Phước H sinh ngày 17/07/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh H không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh H đã được thông báo họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đình H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/03/2002 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hoà thuận đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ không thể tiếp tục sống chung được nữa. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không được. Việc này, đã được UBND xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Anh H cũng đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H không nghe mà nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 28/11/2002 và Nguyễn Đình Phước H sinh ngày 17/07/2011. Hiện cháu H đã thành niên, chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Còn cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Mặt khác, anh H cũng tôn trọng quyết định của cháu H về việc cháu sẽ ở với ai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[7]. Về tài sản: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Phước H, sinh ngày 17/07/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị

H. Anh H có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2018/0002884, ngày 05/10/2020. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Nguyễn Đình H, vắng mặt chị Bùi Thị H. Anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc